TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DSPT
Ngày 27 - 3 - 2019
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lương
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hùng
Ông Thiềm Quốc Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ*:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- <u>Nguyên đơn</u>: Bà **Phạm Thị A**; Trú tại: Khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- <u>Bị đơn</u>: **1**. Ông **Phạm Văn B**; (có mặt)

2. Bà **Trương Thị C**; (vắng)

Cùng trú: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

- <u>Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan</u>:

1. Ông **Phạm Văn D**; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Ông **Phạm Văn Đ**; Trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. (vắng)

3. Ông **Phạm Văn T**; Trú tại: Khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

4. Ông **Phạm Văn H**; Trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. (vắng)

- <u>Người làm chứng</u>:

1. Ông **Lê Văn L**; Trú tại: Ấp 2, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Ông **Đoàn Văn S**; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông **Phạm Văn B** là bị đơn trong vụ án..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị A trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 385 (1.159 m^2-CLN), tờ bản đồ 07 tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ là do ông nội để lại cho cha của bà là Phạm Văn H, ông H đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy đất) ngày 03/6/2011 đối với thửa đất trên. Khi được cho đất ba của bà không sử dụng mà để cho vợ chồng người em út là ông Phạm Văn B và bà Trương Thị C canh tác, nhưng một thời gian sau ông B đã bán thửa đất trên cho ông Đoàn Văn S, do đất của ông bà nên ông H kêu bà mua lại phần đất này nên ông H đã được cấp giấy đất ngày 03/6/2011 nói trên, khi mua có các anh em trong gia đình ký tên không ai tranh chấp. Cho đến ngày 31/10/2011 thì cha của bà là ông H đã tặng cho bà đứng tên hết thửa đất trên và được ghi chú tại trang 03 trên giấy đất đã cấp cho ông H. Sau được tặng cho đất thì bà đã lấp con mương nơi tiếp giáp với lộ giao thông nông thôn. Nay phần đất bà đã lấp mương và một phần bờ đất đang có tranh chấp với ông B, trên phần đất này trước đây bà có trồng 04 cây dừa nhưng ba của bà đã để lại cho ông B thu hoạch trái, cách đây khoảng 02 năm ông B đã trồng thêm 01 cây dừa và đến nay ông B chiếm phần đất này có kích thước chiều ngang giáp lộ giao thông nông thôn là 28,7 mét và chiều hậu là 3,7 mét. Vì vậy, bà A khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn B và bà Trương Thị C phải trả cho bà phần diện tích đất nói trên, bà đồng ý bồi thường cho ông B và bà C giá trị 05 cây dừa theo giá do Nhà nước quy định. Đối với khu đất mộ của ông bà tại thửa đất này, phía ông B đã có yêu cầu thì bà chấp nhận cho ông B sử dụng với diện tích là 227 m^2 theo như bà đã chỉ ranh khi đo đạc thực tế.

Bị đơn ông Phạm Văn B và bà Trương Thị C thống nhất trình bày: Thửa đất đang tranh chấp nói trên trước đây là do cha mẹ để lại cho vợ chồng ông B canh tác, do hoàn cảnh khó khăn nên năm 1994 ông B đã bán cho ông Đoàn Văn S với giá 36 chỉ vàng 24 K nhưng ông không bán phần đất mặt tiền (nơi có con mương đã lấp) và phần đất có khu mộ. Đến năm 2011, anh ruột của ông là Phạm Văn H có bàn với hai người anh của ông Phạm Văn D và Phạm Văn Đ gặp ông S để chuộc lại đất, hai bên đồng ý chuộc lại với giá 32 chỉ vàng 24 K. Sau đó, ông H nói với các anh em trong gia đình làm giấy ủy quyền cho ông đứng tên đất do cha mẹ cho để không phải chịu thuế chuyển nhượng đất, nhưng khi làm giấy đất ông H đã chỉ ranh đo đạc bao trùm cả phần đất ông không bán cho ông S như đã nói trên mà ông không hay biết. Do ông H đã tặng cho thửa đất này cho bà A nên ông có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà A phải trả cho ông phần đất nơi tiếp giáp lộ giao thông nông thôn là 106 m^2 (3,7x 28,7m) và phần đất có khu mộ là 293 m^2 , về 04 cây dừa như bà A trình bày trên là do cha mẹ ông đã trồng từ trước tiếp thu để lại cho ông ăn trái. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B còn trình bày nếu kết quả giải quyết về phần đất nơi giáp lộ giao thông nông thôn không phải của ông thì ông không nhận giá trị của 05 cây dừa trên đất tranh chấp.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Ông Phạm Văn H*: Về nguồn gốc của thửa đất đang tranh chấp trên, thì vào năm 1949 Hợp tác xã của chế độ cũ giao lại cho ông Phạm Văn M canh tác và cất nhà ở. Năm 1975, sau khi đi kháng chiến về thì ông M mất năm 1980 và đất này để lại cho mẹ ông là

Trương Thị X quản lý, do ông Phạm Văn B là con út nên ông B canh tác đất này. Khoảng năm 1992, bà X được Nhà nước cấp giấy đất này. Đến năm 1994, ông Phạm Văn B bán phần đất này cho ông Đoàn Văn S nhưng chỉ làm giấy tay. Do đây là đất hương hỏa có mồ mả ông bà trên đất, nên năm 2011 ông đã mua lại phần đất này từ ông Đoàn Văn S từ tiền của con ông là Phạm Thị A. Những anh em trong gia đình đã đồng ý thống nhất giao lại đất này cho ông đứng tên. Ngày 31/10/2011 ông đã tặng cho bà A nên phần đất này là của bà A hoàn toàn hợp pháp. Ngoài ra, ông còn cho rằng phần đất tranh chấp giáp lộ nông thôn là của bà A vì trước đây ông B đã bán cho ông S, bà Dân đã bỏ tiền ra mua lại. Còn phần đất có khu mộ phía sau do ông ở xa không quản lý được nên giao lại cho ông Phạm Văn Đ hoặc ông Phạm Văn D quản lý, chăm sóc. Ông còn đề nghị giải quyết vắng mặt ông (BL 108)

- *Ông Phạm Văn D và ông Phạm Văn D*: Các ông đều là em của ông Phạm Văn H còn Phạm Văn B là người em út trong gia đình. Các ông đều thống nhất theo lời trình bày trên của ông Phạm Văn B về phần đất tranh chấp và cho rằng trước đây khi bán đất cho ông Đoàn Văn S thì ông B có chừa lại không bán một phần đất cùng nửa cái mương nơi giáp lộ nông thôn và chừa lại phần đất có mộ của gia đình, những phần đất chừa lại này là của ông B. Khi ông Phạm Văn H làm giấy đất thì có nói với các anh em là làm giấy ủy quyền nói cha mẹ cho ông đất để làm bằng khoán không thuế nên các ông đồng ý. Nhưng sau khi có giấy đất thì ông H cho con ông là Phạm Thị A phần đất này, nên đề nghị xem xét trả lại cho vợ chồng ông B phần đất tranh chấp nói trên. Ông D còn trình bày cho ông quản lý phần đất có khu mộ (BL 35, 36, 104)

- *Ông Phạm Văn T*: Phần đất trên là của cha ông là Phạm Văn M (mất 1980), đến năm 1992 thì mẹ ông là Trương Thị X được cấp giấy đất phần đất này là hơn 01 công đất vườn. Khi em của ông là Phạm Văn B gặp hoàn cảnh khó khăn đã cố phần đất này cho ông C (S) nhưng không có tiền chuộc nên đã bán đất cho ông C bằng giấy tay nhưng có chừa lại phần mộ, sau đó Phạm Thị V (A) cùng các anh em trong gia đình họ Phạm xin chuộc lại đất và được ông C đồng ý bán lại cho Phạm Văn H là 34 chỉ vàng 24 K. Khi chuyển quyền xong ông H làm giấy cho lại Phạm Thị V (A) đất này, khi đó cháu V (A) mướn ghe lấp cát mương làm mặt bằng sạch đẹp mà không ai ngăn cản. Nay có tranh chấp đất giữa người em và cháu của ông, đề nghị giải quyết theo pháp luật, riêng đất phần mộ thì giao cho ông D hoặc ông B quản lý. (BL 34, 104)

Những người làm chứng trình bày:

- *Ông Đoàn Văn S*: Trước kia ông có sang miếng đất của ông Phạm Văn B và canh tác được một thời gian thì gia đình ông B xin chuộc lại phần đất này và ông đã giao lại phần đất này cho gia đình ông B sử dụng. Khi ông canh tác thì có hàng cây dừa cặp lộ nông thôn là do ông B thừa hưởng huê lợi, giữa bà A với ông B có thỏa thuận như thế nào thì ông không biết. (BL 37)

- *Ông Lê Văn L*: Khi chị A sang đất, thì ông là người do chị A thuê bơm cát lấp mặt bằng, lúc nghỉ ăn cơm trưa tại nhà chú Út B thì có nghe chú út nói *"ao ranh phần mộ 03 mét, chị A bơm cát san bằng thì chị và chú Út B mỗi người phân nửa (1,5 mét) và khu mộ có ranh tới gốc cau là của chú Út B"*. (BL 38)

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ đã tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn B và bà Trương Thị C trả quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị A là 106 m^2 thuộc thửa đất 385, tờ bản đồ 07 tại ấp T, xã T, huyện P.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị A tách cho ông Phạm Văn B phần đất khu mộ diện tích 227 m^2, thuộc thửa 385, tờ bản đồ 07 tại ấp T, xã T, huyện P. Về 05 cây dừa trên đất tranh chấp bị đơn có quyền chặt bỏ di dời khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu sau 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà không chặt bỏ hoặc di dời thì nguyên đơn có toàn quyền sử dụng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn B về yêu cầu công nhận diện tích đất cặp lộ nông thôn là 106 m^2 và yêu cầu công nhận phần đất khu mộ 293 m^2.

Vị trí, diện tích đất trên theo Mảnh trích đo địa chính số 08-2018 ngày 02/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 03/4/2018 ông Phạm Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trên, yêu cầu công nhận cho ông các diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu phản tố của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Phía bị đơn ông Phạm Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận cho ông được sử dụng đất tranh chấp nơi giáp với lộ nông thôn là 106 m^2 (3,7x 28,7m) và đất khu mộ 293 m^2, vì ông cho rằng những phần đất này ông không có bán cho ông Đoàn Văn S và tuy ông là người đi làm giấy đất cho ông Phạm Văn H đứng tên nhưng khi đo đạc cấp giấy đất thì ông H đã chỉ ranh bao trùm cả phần đất mà ông chừa lại không bán cho ông S mà ông không biết. Về 05 cây dừa trên đất tranh chấp nếu bà A được sử dụng đất thì ông không yêu cầu gì mà tùy phía bà A xử lý. Bà Phạm Thị A tại phiên tòa không chấp nhận yêu cầu kháng cáo trên của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự là Phạm Văn D và Phạm Văn T tại phiên tòa trình bày, đề nghị giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi cho ông Phạm Văn B. Ông T còn đề nghị ổn định đất có phần mộ cho ông B còn lại thì trả cho bà A vì trước đây khi mua bán không có nói chừa lại phần đất nào.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày, những người tiến hành tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật khi giải quyết vụ án. Về kháng cáo, đất tranh chấp do cha mẹ để lại cho ông Phạm Văn H, ông H đã được cấp giấy đất này và đã tặng cho bà Phạm Thị A, khi bà A xan lấp mặt bằng và được cấp giấy đất thì không ai tranh chấp. Bản án sơ thẩm đã ổn định đất tranh chấp cho bà A là có cơ sở. Phía bị đơn ông Phạm Văn B không cung cấp được các chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là của ông, nên đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả diện tích đất tranh chấp, bị đơn yêu cầu phản tố được công nhận phần đất này, Tòa án giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khi xét xử phúc thẩm, đã triệu tập hợp lệ bà Trương Thị C, ông Phạm Văn D và ông Phạm Văn H nhưng đều vắng mặt, các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm đều xác nhận các đương sự trên đã

nhận được giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ của các đương sự tạo lập. Đất đã được cấp giấy cho hộ bà Trương Thị X đứng tên ngày 18/7/1998 tại thửa đất 385 (1346 m^2 - Q), bà X mất năm 2006. Các bên đương sự đều thừa nhận phần đất này ông Phạm Văn B đã bán cho ông Đoàn Văn S vào năm 1994, khi chuyển nhượng có làm giấy viết tay nhưng nay giấy này không còn. Do trên đất có phần mộ của ông bà nên năm 2011 ông Phạm Văn H (anh ruột của ông B) đã bàn bạc với các anh em trong gia đình chuộc lại phần đất này bằng số vàng của bà Phạm Thị A (con của ông H) là 32 chỉ vàng 24 K. Các đương sự là Phạm Văn H, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Phạm Văn D và bị đơn là Phạm Văn B đều thừa nhận có làm giấy xác nhận là cha mẹ cho ông Phạm Văn H phần đất này, nên ông H đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/6/2011 đối với thửa đất tranh chấp nói trên. Khi ông H được cấp giấy đất thì không có ai khiếu nại gì, nên sau này ông H tặng cho bà Phạm Thị A toàn bộ thửa đất này là phù hợp pháp luật. Việc ông Phạm Văn B và bà Trương Thị C cho rằng khi đo đạc làm giấy đất từ bà X sang cho ông H đứng tên thì ông H đã tự ý chỉ ranh bao trùm cả phần đất mà ông chừa lại không có chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn S mà ông không biết, nên yêu cầu ổn định cho ông B toàn bộ diện tích đất tranh chấp tại phần mộ là 293 m^2 và nơi giáp với lộ nông thôn là 106 m^2 vì cho rằng đất này là của ông. Tuy nhiên, ông B và bà C không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày nói trên của mình như giấy tờ chứng minh đất đang tranh chấp là của mình, cũng như việc chừa lại phần đất đang tranh chấp trên không bán cho ông S ... Theo trình bày của bà A (Bút lục 40) và lời thừa nhận của ông B tại phiên tòa phúc thẩm thì ông B là người trực tiếp đi làm thủ tục cấp giấy đất cho ông H đứng tên, ông cũng biết việc ông H được cấp giấy đất này năm 2011 và từ đó đến khi có tranh chấp không có ai khiếu nại việc cấp giấy đất cho ông H. Thậm chí ông Phạm Văn T (anh ruột của ông B) tại phiên tòa cũng trình bày ổn định cho ông B phần đất có khu mộ còn lại thì trả cho bà A vì khi mua bán đất không có nói chừa lại phần đất nào. Như đã phân tích trên, bản án sơ thẩm đã buộc ông B phải trả lại đất tranh chấp cho bà A và ghi nhận việc bà A tự nguyện ổn định phần đất có khu mộ cho ông B là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn B.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu, nhưng phía bị đơn có kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn B và bà Trương Thị C trả quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị A diện tích106 m^2 thuộc thửa đất số 385, tờ bản đồ số 07; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Cụ thể có kích thước tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 384 là 3.7 mét;

Hướng Bắc giáp lộ nông thôn là 28,7 mét;

Hướng Tây giáp Kinh Thủy lợi là 3,7 mét;

Hướng Nam giáp phần còn lại thửa 385 là 28,7 mét.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị A tách cho ông Phạm Văn B phần đất khu mộ diện tích 227 m^2, thuộc thửa đất số 385, tờ bản đồ số 07; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Cụ thể có kích thước tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 385 là 12,6 mét;

Hướng Bắc giáp lộ nông thôn là 16,2 mét;

Hướng Tây giáp Kinh Thủy lợi là 15,5 mét;

Hướng Nam giáp thửa 405 là 16,4 mét;

Về 05 cây dừa trên phần đất tranh chấp bị đơn có quyền chặt bỏ di dời khi thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, nếu sau 30 ngày kể từ ngày thi hành bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không chặt bỏ hoặc di dời thì nguyên đơn có toàn quyền sử dụng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn B về việc yêu cầu công nhận diện tích phần đất cặp lộ nông thôn diện tích là 106 m^2 và yêu cầu công nhận phần đất khu mộ 293 m^2.

Vị trí, diện tích các phần đất trên theo Mảnh trích đo địa chính số 08-2018 ngày 02/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P, thành phố Cần Thơ.

Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giất chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị A tại thửa đất số 385, tờ bản đồ số 07; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ cho phù hợp với phần quyết định của bản án theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Phía bị đơn là ông Phạm Văn B và bà Trương Thị C phải chịu là 3.000.000 đồng. Do nguyên đơn bà Phạm Thị A đã nộp tạm ứng số tiền này và đã chi xong, nên ông B và bà C phải nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để trả lại cho bà A nhận số tiền này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn B và bà Trương Thị C phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 004329 ngày 19/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ. Ông B và bà C đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Bà Phạm Thị A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) theo các biên lai số 004247, 004678 ngày 09/3/2016 và ngày 06/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn B được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 005271 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Lương

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Tòa án H. P;
- THA.DS-H.P;
- Lưu hồ sơ vụ án.